

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 12/2023, kế hoạch hoạt động tháng 01/2024

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG THÁNG 12/2023:

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của ngành.

1. Sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 12 ước tăng 5,45% so với tháng trước, mặc dù mức tăng thấp hơn so với tháng trước 11 (tháng 11/2023 tăng 7,76% so với tháng 10/2023) nhưng so với cùng kỳ năm trước tăng 13,31%, đây là tháng có mức tăng cao nhất kể từ đầu năm. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 12,92%. **Tính chung 12 tháng đầu năm**, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 6,12% so cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,47%; tiếp tục là lĩnh vực đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của ngành công nghiệp địa phương.

Trong tháng, có **9/10** sản phẩm có sản lượng tăng so với tháng trước, **01/10** sản phẩm có sản lượng giảm (Bia (-26,50%)); **07/10** sản phẩm có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm, **03/10** sản phẩm có sản lượng giảm (Thuốc lá điếu có đầu lọc (-27,91%), Sản phẩm may (-25,03%), Bia (-22,63%)). **Lũy kế 12 tháng**, có **06/10** có sản lượng tăng và **04/10** có sản lượng giảm (Cát sỏi các loại (-39,09%), Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự (-11,33%), Sản phẩm may (-17,23%), Bia (-11,64%). Cụ thể một số sản phẩm chính như:

- Thủy sản chế biến: sản lượng chế biến tháng 12 ước đạt 40.302 tấn, tăng 3,45% so tháng trước và tăng 19,12% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 451.548 tấn, tăng 8,52% so cùng kỳ năm 2022, và đạt 94,07% kế hoạch năm (KH năm 480.000 tấn).

- Gạo xay xát: sản lượng xay xát, lau bóng gạo tháng 12 ước đạt 191.000 tấn, tăng 1,15% so tháng trước và tăng 60,95% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 1.808.000 tấn, tăng 35,28% so cùng kỳ năm 2022, và đạt 124,68% kế hoạch năm (KH năm 1.450.000 tấn).

- Thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản: sản lượng chế biến tháng 12 ước đạt 154.035 tấn, tăng 2,72% so tháng trước và tăng 13,66% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 1.624.103 tấn, tăng 2,56% so cùng kỳ năm 2022, đạt 92,81% kế hoạch năm (KH năm 1.750.000 tấn).

- May mặc: sản lượng sản xuất tháng 12 ước đạt 553 ngàn sản phẩm, tăng

22,03% so tháng trước và bằng 74,97% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 7.394 ngàn sản phẩm, bằng 82,77% so cùng kỳ năm 2022, và đạt 71,79% kế hoạch năm (KH năm 10.300 ngàn sản phẩm).

- Giày da: sản lượng sản xuất tháng 12 ước đạt 478 ngàn sản phẩm, tăng 5,16% so với tháng trước và tăng 77,85% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 4.416 ngàn sản phẩm, tăng 10,75% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 98,14 kế hoạch năm (KH năm 4.500 ngàn sản phẩm).

- Miến, hủ tiếu, bánh tráng và các loại tương tự: sản lượng chế biến tháng 12 ước đạt 1.857 tấn, tăng 2,51% so với tháng trước và tăng 0,85% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 22.224 tấn, bằng 88,67% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 80,81% kế hoạch năm (KH năm 27.500 tấn).

- Thuốc viên các loại: sản lượng sản xuất tháng 12 ước đạt 280,9 triệu viên, tăng 87,2% so với tháng trước và tăng 28,74% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 2.003 triệu viên, tăng 24,01% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 114,46% kế hoạch năm (KH năm 1.750 triệu viên).

2. Điện năng tiêu thụ:

Tình hình cung ứng điện trong tháng được đảm bảo, không xảy ra tình trạng mất điện kéo dài. Sản lượng điện thương phẩm tháng 12 ước đạt 266 triệu kWh, tăng 2,34% so với tháng trước. Trong đó, điện phục vụ nông nghiệp ước đạt 32,6 triệu kWh, tăng 3,81% so với tháng trước; điện phục vụ công nghiệp ước đạt 111 triệu kWh, tăng 3,83 % so với tháng trước; điện phục vụ thương mại ước đạt 7,9 triệu kWh, tăng 0,16 % so với tháng trước, điện phục vụ sinh hoạt ước đạt 105 triệu kWh, tăng 0,64% so với tháng trước và điện phục vụ tiêu dùng khác ước đạt 9,5 triệu kWh, tăng 1,29% so với tháng trước.

3. Hoạt động thương mại.

3.1. Thương mại nội địa:

Hoạt động thương mại nội địa tháng 12 diễn ra khá sôi động để chuẩn bị phục vụ cho các ngày lễ lớn cuối năm và dịp Tết Nguyên đán năm 2024, nhu cầu tiêu dùng lương thực, thực phẩm, và dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tiếp tục duy trì xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 12/2023 ước đạt 10.532 tỷ đồng, tăng 0,97% so với tháng trước và tăng 11,33% so với tháng cùng kỳ năm 2022. **Lũy kế 12 tháng** đạt 126.169 tỷ đồng, tăng 12,59% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 99,67% kế hoạch năm (KH năm 126.590 tỷ đồng).

3.2. Thương mại xuất nhập khẩu:

Với sự chủ động của doanh nghiệp cùng với các biện pháp tích cực, đồng bộ nhằm tháo gỡ khó khăn trong hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường và những tín hiệu khôi phục của thị trường nên hoạt động xuất khẩu dần có dấu hiệu khởi sắc. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (*không tính tái xuất xăng dầu*) tháng 12/2023 ước đạt 115,64 triệu USD, tăng 1,31% so với tháng trước và tăng 43,45% so với tháng cùng kỳ năm 2022. **Lũy kế 12 tháng** đạt 1.291,47 triệu

USD, bằng 92,23% so với cùng kỳ năm 2022, và đạt 84,13% kế hoạch năm (KH năm 1.535 triệu USD).

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:

- Thủy sản đông lạnh: Kim ngạch xuất khẩu tháng 12 ước đạt 49,04 triệu USD, tăng 1,77% so với tháng trước và tăng 20,21% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 629,11 triệu USD, bằng 70,51% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 62,91% so với kế hoạch năm (KH năm 1.000 triệu USD).

- Mặt hàng gạo: Kim ngạch xuất khẩu tháng 12 ước đạt 37,08 triệu USD, tăng 0,59% so với tháng trước và tăng 161,16% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 324,42 triệu USD, tăng 54,63% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 139,84% so với mục hoạch năm (KH năm 232 triệu USD).

- Bánh phồng tôm: Kim ngạch xuất khẩu tháng 12 ước đạt 1,39 triệu USD, tăng 1,17% so với tháng trước và tăng 53,63% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 13,12 triệu USD, bằng 75,28% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 59,65% so với mục tiêu kế hoạch năm (KH năm 22 triệu USD).

- Sản phẩm may: Kim ngạch xuất khẩu tháng 12 ước đạt 14,15 triệu USD, tăng 1,36% so với tháng trước và bằng 99,55% so với tháng cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 12 tháng đạt 156,48 triệu USD, bằng 91,52% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 86,93% so với mục tiêu kế hoạch năm (KH năm 180 triệu USD).

Kim ngạch nhập khẩu tháng 12 ước đạt 49,01 triệu USD, tăng 1,28% so tháng trước và bằng 84,07% so với tháng cùng kỳ năm 2022; trong đó, xăng dầu ước đạt 8,62 triệu USD (tăng 2,76% so với tháng trước và bằng 26,98% so với tháng cùng kỳ năm 2022). Lũy kế 12 tháng, Kim ngạch nhập khẩu đạt 775,91 triệu USD, bằng 97,48% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 95,79% so với mục tiêu kế hoạch năm (KH năm 810 triệu USD).

II. Tình hình phát triển hạ tầng.

* *Hạ tầng khu công nghiệp Tân Kiều:* Đã thi công hoàn thành gói thầu số 7 – Nhà máy xử lý nước thải tập trung, gói thầu số 05 – đường gom N2 và gói thầu số 06 – đường gom ĐT846; đã trình điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

* *Tình hình phát triển các dự án đầu tư sản xuất:* Phát sinh 01 dự án so với thời điểm báo cáo tháng trước¹. Rà soát đến thời điểm báo cáo, toàn Tỉnh có 225 dự án của 187 doanh nghiệp, trong đó: 179 dự án đã hoàn thành (156 dự án hoạt động ổn định, 06 dự án hoạt động cầm chừng, 17 dự án tạm ngưng hoạt động); 18 dự án đang xây dựng; 28 dự án chuẩn bị đầu tư.

III. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành.

1. Về thực hiện Chương trình hành động của UBND Tỉnh theo Quyết định số 13/QĐ-UBND.

Tổng số nhiệm vụ được UBND Tỉnh giao tham mưu chủ trì thực hiện trong năm 2023: 10 nhiệm vụ.

¹ Dự án Xưởng may FASHION GARMENTS MEKONG của Cty TNHH FASHION GARMENTS MEKONG

Tiến độ thực hiện: đã hoàn thành **06** nhiệm vụ, chưa hoàn thành 04 nhiệm vụ. Trong đó: 02 nhiệm vụ đã trình UBND Tỉnh chờ phê duyệt, 01 nhiệm vụ không thực hiện mà tích hợp, 01 nhiệm vụ chờ đề án được phê duyệt để xây dựng. Cụ thể,

- 02 nhiệm vụ đã trình UBND Tỉnh: (1) Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp (Công văn số 2592/SCT-QLCN ngày 18/10/2023 Sở Công Thương); (2) Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp chế biến chuyên sâu kết hợp phát triển ngành công nghiệp chủ lực đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (**Tờ trình số 2610/TTr-SCT ngày 20/10/2023**).

- 01 nhiệm vụ: Kế hoạch thực hiện chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược xuất khẩu hàng hóa đến năm 2030, nội dung này đã được UBND Tỉnh thống nhất không ban hành Kế hoạch mà tích hợp vào Đề án xuất khẩu các sản phẩm chủ lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 (Đề án đã được UBND Tỉnh phê duyệt đề cương, đơn vị tư vấn đang xây dựng nội dung).

- 01 nhiệm vụ: Kế hoạch phát triển ngành thương mại đến năm 2025 (hoàn thành sau 30 ngày kể từ ngày Đề án phát triển ngành Thương mại đến năm 2023 được phê duyệt, Đề án đã hoàn chỉnh hồ sơ và trình UBND Tỉnh chờ phê duyệt).

2. Công tác xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện QLNN của ngành.

2.1. Về Công nghiệp

- Tham mưu UBND Tỉnh điều chỉnh nội dung Quyết định Thành lập Hội đồng đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Định An, huyện Lập Vò.

- Tham mưu UBND Tỉnh dự thảo Kế hoạch thực hiện Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Tham mưu UBND góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà.

- Gửi lấy ý kiến dự thảo báo cáo của Ban cán sự đảng UBND Tỉnh về kết quả thực hiện Kết luận số 248-KL/TU ngày 26/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về tiếp tục thực hiện Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Tháp, năm 2023; dự thảo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong năm năm 2024.

- Hỗ trợ cung cấp thông tin cho Công ty Cổ phần Hùng Cá Hồng Ngự về ưu đãi đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật CCN; tham gia ý kiến gia hạn tiến độ sử dụng đất của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre.

- Tham gia thẩm định báo cáo nghiên cứu tính khả thi đầu tư xây dựng dự án Lộ ra trạm 220kV Hồng Ngự và công trình Trạm 110kV Thanh Bình và đường dây đầu nối. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hạng mục: Di dời đường dây 110kV Trần Quốc Toản – An Long (đoạn từ trụ 63 đến trụ 72) thuộc Dự án: Đường trục Đ-03 (từ rạch Đốc Vàng Hạ đến đường Võ Văn Kiệt).

2.2. Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp:

- *Hoạt động khuyến công:* Triển khai Chương trình khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại, ứng dụng vào các khâu sản xuất. Trong tháng, tiếp tục theo dõi tiến độ khối lượng hoàn thành, kinh phí thực hiện hợp đồng KCĐP, tổ chức nghiệm thu đối với 03 đơn vị. Tính đến kỳ báo cáo, đã tổ chức nghiệm thu 12/22 đơn vị thụ hưởng hỗ trợ thực hiện đề án KCĐP⁽²⁾. Phối hợp Báo Đồng Tháp thực hiện 01 chuyên mục Khuyến công³.

- *Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu:* tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2023, kết quả có 37 sản phẩm đạt chứng nhận cấp Tỉnh⁴; Gửi đăng ký 17 sản phẩm tham gia bình chọn cấp Quốc gia, kết quả có 04 sản phẩm đạt chứng nhận⁵.

- *Hoạt động Tư vấn và Tiết kiệm năng lượng:* tiếp tục triển khai nhiệm vụ Chương trình quốc gia về sử dụng NLTK&HQ năm 2023: trong tháng, tổng hợp tài liệu triển khai xây dựng mô hình quản lý năng lượng cho các doanh nghiệp; hoàn chỉnh sổ tay vận hành an toàn trạm bơm điện; thực hiện đào tạo về hệ thống QLNL cho Công ty TNHH XNK Cỏ May; hoàn chỉnh các biểu mẫu, quy định, chính sách về hệ thống QLNL với Công ty TNHH XNK Cỏ May, công ty TNHH MTV Chế biến thủy sản Hoàng Long về xây dựng mô hình QLNL cho doanh nghiệp, chuẩn bị báo cáo nghiệm thu và tổng kết chương trình.

- Thẩm tra 03 công trình; thiết kế 03 công trình;...

2.3. Về thương mại

a/ Thương mại nội địa

- *Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu trong và ngoài Tỉnh:* phối hợp Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư tổ chức tuần hàng cá tra/basa và đặc sản Đồng Tháp tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 và tham gia Chương trình kết nối cung cầu giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh, thành năm 2023 và Chương trình “Tinh hoa làng nghề và đặc sản vùng miền năm 2023”; phối hợp với Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam (IPSC) tổ chức Chương trình Nâng cao kiến thức và

² Thực hiện theo quyết định phê duyệt của UBND Tỉnh, có 24 đơn vị thụ hưởng được hỗ trợ kinh phí, tuy nhiên đến kỳ báo cáo có 02 đơn vị đề nghị dừng thực hiện do khó khăn về vốn đối ứng.

³ Chuyên mục “Những kết quả nổi bật ngành Công Thương Đồng Tháp trong năm 2023, định hướng năm 2024”.

⁴ Quyết định số 1257/QĐ-UBND-HC ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

⁵ Quyết định số 3116/QĐ-BCT ngày 01/12/2023 của Bộ Công Thương.

kỹ năng mở rộng thị trường tại tỉnh Đồng Tháp. Công tác chuẩn bị tổ chức “Hội nghị kết nối giao thương các sản phẩm hoa, kiểng” và Hội thảo “Nâng cao chuỗi giá trị ngành hàng hoa kiểng tỉnh Đồng Tháp” trong chuỗi hoạt động Festival Hoa - Kiểng Sa Đéc lần I năm 2023⁶. Tham gia triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội, sản xuất lúa gạo, giới thiệu sản phẩm OCOP tại Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo Việt Nam – Hậu Giang 2023; đề xuất UBND Tỉnh tham gia Hội chợ thương mại quốc tế Việt Nam lần thứ 33 (VIETNAM EXPO 2024). Giới thiệu danh sách các doanh nghiệp có chứng nhận GAP, an toàn thực phẩm, được cấp mã số vùng trồng tham gia kết nối giữa các tỉnh, TP. Báo cáo kết quả tổ chức Đoàn tham gia Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt - Trung (Lào Cai) lần thứ 23, năm 2023⁷.

- *Phát triển thương mại điện tử*: tổ chức tập huấn hỗ trợ đưa sản phẩm OCOP kinh doanh trên môi trường trực tuyến⁽⁸⁾. Báo cáo UBND Tỉnh kết quả thẩm định Kế hoạch thực hiện thí điểm mô hình "Xã thương mại điện tử Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp". Tiếp tục các nội dung thực hiện đề án hỗ trợ doanh nghiệp Đồng Tháp tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử uy tín thuộc chương trình TMĐT quốc gia năm 2023. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện khảo sát, thu thập thông tin tình hình ứng dụng thương mại điện tử.

- *Triển khai các giải pháp quản lý, phát triển chợ*: trình UBND Tỉnh nội dung dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 655/QĐ-UBND-HC ngày 20/6/2017 của UBND Tỉnh về ban hành Quy định tiêu chuẩn và Quy định trình tự công nhận chợ đạt chuẩn văn minh, chợ đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Văn bản hướng dẫn thực hiện xét, công nhận chợ đạt chuẩn văn minh, chợ đạt chuẩn nông thôn mới; Khai trương Siêu thị mini Go! Hồng Ngự, theo đó tham mưu UBND Tỉnh nội dung ký Biên bản ghi nhớ giữa Sở Công Thương tỉnh Đồng Tháp và Tập đoàn Central Retail Việt Nam về việc tiếp tục triển khai hợp tác đầu tư, thương mại trong thời gian tới.

- Phối hợp nghiệm thu kinh phí hỗ trợ thực hiện quảng bá nhãn hiệu, thương hiệu, sản phẩm và hỗ trợ xây dựng các điểm giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bán hàng và kho trung chuyển hàng hóa ở ngoài Tỉnh⁽⁹⁾ thuộc Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp lĩnh vực Công Thương năm 2023 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới lĩnh vực Công Thương năm 2023.

b/ Thương mại xuất nhập khẩu, Hội nhập kinh tế quốc tế: trình UBND Tỉnh dự thảo báo cáo công tác hội nhập quốc tế năm 2023. Công văn triển khai Thông tư quy định về việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên từ Lào và Campuchia; thông tin về Hội nghị “Hướng dẫn

⁶ Phát hành thư mời, xác nhận đại biểu Hội nghị; mời các đơn vị doanh nghiệp phân phối tham gia kết nối.

⁷ Sở Công Thương tỉnh Đồng Tháp tham gia 01 gian hàng tiêu chuẩn để quảng bá, giới thiệu các sản phẩm OCOP, sản phẩm tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh. Sở đã làm đầu mối quảng bá, giới thiệu sản phẩm của 08 đơn vị... trực tiếp đến đông đảo khách tham quan trong và ngoài nước

⁽⁸⁾ Kế hoạch số 3161/KH-SCT ngày 08/12/2023 của Sở Công Thương.

⁽⁹⁾ Đối với 02 đơn vị là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng Dịch vụ và Sản xuất Ecohome và Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Mỹ Long.

doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm, kiểm dịch động thực vật khi xuất khẩu nông sản, thực phẩm vào Trung Quốc”.

3. Công tác cải cách hành chính:

Tiếp tục triển khai ý kiến chỉ đạo của UBND Tỉnh về cải cách TTHC; tiếp tục triển Mô hình Lãnh đạo Tỉnh gặp gỡ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC; báo cáo khắc phục hạn chế công tác kiểm soát TTHC; Báo cáo công tác CCHC năm 2023.

Trong tháng, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: đã tiếp nhận 2.349 hồ sơ. Tổng số hồ sơ trả tại Bộ phận một cửa: 2.312 (trả trước hạn: 2.322), hồ sơ đang thẩm định giải quyết: 27 hồ sơ.

4. Công tác thanh, kiểm tra:

Kiểm tra (hậu kiểm) việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương - đợt 4 năm 2023; Thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương - đợt 3.

Tiếp công dân: 01 lượt. Trong đó, tiếp định kỳ và đợt xuất của Lãnh đạo Sở: 01 lượt (không có công dân đến); tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại: 01 đơn (Kết quả xử lý, lưu đơn theo quy định, nguyên nhân do đơn không đủ điều kiện xử lý).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện đồng bộ những giải pháp nhằm tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất và mở rộng thị trường xuất khẩu nên sản xuất công nghiệp và xuất khẩu có những tín hiệu tích cực trong những tháng gần đây. Doanh nghiệp chuẩn bị nguồn hàng phục vụ dịp lễ Tết cuối năm nên hoạt động sản xuất công nghiệp giữ đà tăng trưởng.

Mặc dù hoạt động xuất khẩu đã có sự cải thiện tích cực trở lại, tuy nhiên đà phục hồi nhìn chung vẫn còn tương đối chậm. Vẫn còn nhiều khó khăn từ thị trường tiêu thụ do ảnh hưởng suy giảm kinh tế toàn cầu trong thời gian qua nên các khó khăn, thách thức còn rất lớn, nhất là đối với thị trường xuất khẩu, áp lực cạnh tranh và sự gia tăng các rào cản kỹ thuật..., tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

B. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 01/2024:

1. Tham UBND Tỉnh báo cáo của Ban cán sự đảng UBND Tỉnh về kết quả năm 2023 và 3 năm thực hiện Kết luận số 248-KL/TU ngày 26/11/2021 của Ban chấp hành đảng bộ Tỉnh khóa XI về tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 392/KH-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về Phát triển thương mại biên giới tỉnh Đồng Tháp năm 2023.

2. Tăng cường công tác quản lý, giám sát an toàn thực phẩm trong dịp tết cuối năm; theo dõi tình hình thị trường hàng hóa để kịp thời ứng phó trong trường hợp thị trường có biến động.

3. Tổ chức “Hội nghị kết nối giao thương các sản phẩm hoa, kiểng” trong chuỗi hoạt động Festival Hoa - Kiểng Sa Đéc lần I năm 2023.

4. Triển khai các hoạt động khuyến công: tiếp tục theo dõi tiến trình thực hiện của các đề án và tổ chức nghiệm thu các đề án đã được phê duyệt năm 2023. Tổ chức Lễ trao chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2023; Tổ chức hội nghị sơ kết Chương trình khuyến công giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục triển khai các nội dung liên quan Chương trình mục tiêu quốc gia và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2023; thực hiện kiểm toán năng lượng cho các đối tượng doanh nghiệp trên địa bàn. Thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền; các hoạt động tư vấn công nghiệp và Tiết kiệm năng lượng....

5. Tiếp tục đồng hành tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh trên cơ sở chủ động nắm bắt tình hình sản xuất, kịp thời nắm bắt khó khăn. Thường xuyên cập nhật, thông tin về quy tắc rào cản xuất khẩu, các cơ hội và cách thức tận dụng cơ hội từ các Hiệp định đến doanh nghiệp.

Sở Công Thương kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- Vụ Kế hoạch (Bộ Công Thương);
- Cục Công tác phía Nam (BCT);
- Cục Công Thương địa phương (BCT);
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- BQL Khu kinh tế, TT xúc tiến TMDL&ĐT;
- Cty Điện lực Đồng Tháp, NHNN;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Các phòng KT, KT-HT;
- Lưu: VT, KHTCTH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Phương Thủy

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2023				Năm 2022		So sánh (%)			
			Kế hoạch	TH tháng trước	Ước TH tháng BC	Lũy kế đến tháng BC	Thực hiện tháng BC	Lũy kế đến tháng BC	Tháng b/c so tháng trước	Cùng kỳ tháng BC	Lũy kế	Kế hoạch 2023
	- Thủy sản chế biến	Tr. USD	1,000	48.19	49.04	629.11	40.79	892.25	101.77	120.21	70.51	62.91
	- Gạo	"	232	36.86	37.08	324.42	14.20	209.81	100.59	261.16	154.63	139.84
	- Bánh phồng tôm và các SP từ ngũ cốc	"	22	1.37	1.39	13.12	0.90	17.43	101.17	153.63	75.28	59.65
	- Các sản phẩm ngành may	"	180	13.96	14.15	156.48	14.21	170.97	101.36	99.55	91.52	86.93
	- Hàng hóa khác	"	336	44.23	44.50	504.09	37.20	439.23	100.62	119.62	114.77	150.03
	Trong đó, Xăng dầu tái xuất	"	235	30.46	30.52	335.75	26.69	329.46	100.18	114.31	101.91	142.87
	<i>* Sản lượng sản phẩm xuất khẩu:</i>											
	- Thủy sản chế biến	Tấn	390,000	21,968	22,343	256,754	15,921	291,517	101.71	140.34	88.07	65.83
	- Gạo	Tấn	338,000	53,384	53,672	530,307	29,134	428,414	100.54	184.22	123.78	156.90
	- Bánh phồng tôm và các SP từ ngũ cốc	Tấn	14,000	904	915	8,830	603	11,262	101.22	151.74	78.41	63.07
2	XK biên mậu qua biên giới	Tr. USD	120.00	6.56	6.80	90.66	12.76	111.61	103.66	53.29	81.23	75.55
IV	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr. USD	950.00	55.63	56.61	978.69	65.87	932.39	101.76	85.95	104.97	103.02
1	Hàng hóa nhập khẩu chủ yếu	"	810.00	48.39	49.01	775.91	58.30	795.95	101.28	84.07	97.48	95.79
	<i>Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu</i>											
	- Xăng dầu: Kim ngạch	Tr USD	340.00	8.39	8.62	390.15	31.96	395.04	102.76	26.98	98.76	114.75
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	350,000	10,177	10,458	472,579	33,725	380,629	102.76	31.01	124.16	135.02
	- Nguyên liệu SX tân dược	"	28.00	3.17	3.22	51.42	4.55	33.05	101.74	70.82	155.59	183.65
	- Nguyên liệu may, da giày	"	110.00	7.46	7.54	86.45	4.48	119.94	101.05	168.25	72.08	78.59
	- Hàng hoá khác	"	332.00	29.37	29.63	247.89	17.31	247.93	100.86	171.18	99.99	74.67
2	NK biên mậu qua biên giới	Tr.USD	140.00	7.24	7.60	202.78	7.57	136.44	104.97	100.40	148.62	144.84
V	Cung ứng điện năng											
	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.KWh	3,178	259.91	266.0	2,981.71	231.20	2,827.52	102.34	115.05	105.45	93.82
	TĐ: + Nông nghiệp	"	415	31.40	32.60	381	31.97	374	103.81	101.97	101.68	91.74
	+ Công nghiệp	"	1,490	106.90	111.00	1,313	114.81	1,329	103.83	96.68	98.82	88.13
	+ Thương mại	"	79	7.89	7.90	81	4.10	69	100.16	192.61	117.94	102.69
	+ Quản lý dân cư	"	1,088	104.34	105.00	1,104	73.63	961	100.64	142.61	114.85	101.45
	+ Tiêu dùng khác	"	106	9.38	9.50	103	6.70	95	101.29	141.87	108.94	97.19



